



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-~~900-7050~~ 560 0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Nhà An
Last Middle First
- Current Address 128/6A Phan đình Phùng Thanh Bình Biên Hòa
Date of Birth 07-29-37 Place of Birth Như Dong Nai
- Previous Occupation before 1975 Major
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 02-26-78
1983 08-23-85
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address & Telephone
- FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/87

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Lê Hà An

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Võ Thị Tư	02-12-42	Wife
Lê Hà Kim Dung	11-17-64	Daughter
Lê Minh Phương	01-29-65	Son
Lê Hà Kim Phương	03-15-66	Daughter
Lê Hà Kim Khánh	03-13-73	"
Lê Minh Phước	04-16-74	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

—

—

6. ADDITIONAL INFORMATION :

DATE: 1 - 3 - 1977

NAME:

A. BASIC Identification Data:

Ly Lich Can Ban.

1. Name: LÊ - HÀ - AN

Ho, Ten:

2. Other Names: o

Ho, Ten, khác:

3. Date/Place of birth: 29-7-1937 La - Chi - HƯƠNG TIA - THUA THIEN - HUÊ

Ngày/Nơi sinh:

4. Residence address: 128/6A PHAN DINH PHUOC - HIEU HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

Địa chỉ thường trú:

5. Mailing address: 128/6A Phan Dinh Phuoc - Hieu Hoa City - Dong Nai Province

6. Current Occupation: Construction

Nghề nghiệp:

B. Relatives To Accompany Me:

Bà Con Chung Di Voi Tai

(NOTE: Your Spouse and Unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D),

Widowed (W), or Single (S).

(Chú ý: Vợ/Chồng và con cái chung đi có thể đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), Đã ly di (D), Góa phụ/ góa thê (W), hoặc độc thân (S).

NAME :	Date of birth:	Place of birth:	Sex:	MS:	Relationship
Ho, Ten:	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Phái:	Trạng gia đình	Lien he

1. <u>Võ - Tú - Tú</u>	<u>12-2-1942</u>	<u>Miêu Hương City</u>	<u>female</u>	<u>Married</u>	<u>wife</u>
2. <u>LÊ - HÀ - KIM FUNG</u>	<u>17-11-1964</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>female</u>	<u>single</u>	<u>daughter</u>
3. <u>LÊ - MINH - PHUOC</u>	<u>29-1-1965</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>male</u>	<u>"</u>	<u>son</u>
4. <u>LÊ - HÀ - KIM PHUOC</u>	<u>15-3-1966</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>female</u>	<u>"</u>	<u>daughter</u>
5. <u>LÊ - HÀ - KIM KHANH</u>	<u>13-3-1973</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>female</u>	<u>"</u>	<u>daughter</u>
6. <u>LÊ - MINH - PHUOC</u>	<u>16-4-1974</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>male</u>	<u>"</u>	<u>son</u>
7. <u></u>	<u></u>	<u></u>	<u></u>	<u>"</u>	<u></u>
8. <u></u>	<u></u>	<u></u>	<u></u>	<u>"</u>	<u></u>

NOTE: For the persons List above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce degrees (if divorced), Spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available), and photos.

If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.

CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách, chúng tôi cần một bản khai sinh, gia đình (nếu lập gia đình), giấy ly hôn (nếu ly di), giấy khai tử của vợ/ chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con chung đi với bạn không sống chung nhà với bạn hiện tại, xin ghi địa chỉ của họ trong phần I.

C. RELATIVES OUTSIDE Vietnam.

Ho Hạng Ở Ngoại Quốc.

1. Closest Relative In the U.S.

Bà Con Thân Thuộc Tại Hoa-Kỳ.

a. Name: o

Ho, Ten

2. Closest Relative In Other Foreign Countries.

Ba Con Than Thuec Mot O Cac nuoc khac.

a. Name: o

Ho.Ten:

b. Relationship.

Lien Me gia dinh.

c. Address: o

Diã chi:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

Danh sach toan the gia dinh (song/chet)

Name: 3.

Address:

Ho.Ten:

v.

Diã chi:

1. Father: HA KHANH (Dead) La chi - Nha Thu - Thuc City

2. Mother: LE THI (Dead) La chi - Nha Thu - Thuc City

Me

3. Spouse: VO THI (Living) 128/6 Phan Dinh Phung - Phu Nhuan - Hien Van

Võ/Chong:

4. former spouse(if any): o

Võ/ Chong trước (neu co): at Vietnam;

5. Children:

Con cai: (1) LE HA - KIM HUNG

(2) LE MINH - PHUONG

(3) LE HA KIM - PHUONG

(4) LE HA - KIM KHANH

(5) LE HA MINH - PHUONG

(6) o

Ngày, tháng

(7) o

TU

TOI: 30 - 4 - 1975

(8) o

(9) o

(10) o

6. Siblings:

MAI OC

Anh chi em

(1) LE THI - HOA (sister)

(2) o

(3) o

(4) o

(5) o

(6) o

(7) o

(8) o

(9) o

(10) o

E. Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organizations of You or Your Spouse.

Ban hoac Võ/Chong Ba co lam viec cho Cong So Cua Chinh Phu My hoac Hang MY.

1. Name of person Employed: o

Ho,ten nhan vien:

2. Date:

From

To:

Ngày, tháng năm

TU:

TOI:

(1) o

4. Agency/Company/Office:

Số / Hàng / Văn phòng:

1.

2.

3.

4.

5. Name of (Last) Supervisor.

Họ, tên người Giám thị:

1.

2.

3.

6. Reason For Leaving?

6. Reason For Leaving?

Ly do ra đi (Nghỉ việc)

5 Months 14 Days

Ngày, tháng, năm

7. Training for Job in Vietnam.

Nghề nghiệp Huan Luyen tại Vietnam: (an and play a trad.)

F. Service with GVN or RVNAF By You or Your Spouse.

Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công vụ với Chính Phủ Vietnam.

1. Name of Person Serving: LE HA AN.

Họ, tên người tham gia:

2. Dates:

From: 24-4-1956

TO: 30-4-1975

Ngày, tháng, năm

Từ

Đến

3. Last Rank: MAJOR.

Cap Bac Cuoi Cung:

4. Ministry/Office/Military Unit, Engineer.

Bo, Sở / Đơn vị / Binh Chung.

5. Name of Supervisor/ C.O. Col. TRUONG - KY - TRUNG.

Họ, tên Giám Thị/Sĩ Quan Chỉ Hủy.

6. Reason for Leaving? Communist Government.

Ly do ra đi (Đo ngũ)

7. Name of American Advisor(s). Hawthorne - Scribfield.

Họ, tên cố vấn: My:

8. U.S. Training courses in Vietnam: Education method.

Chương trình huan luyen Hoa Kỳ tại Vietnam:

9. U.S. Awards or Certificates: Certificate.

Huy chương MY hoặc giấy chứng từ do Hoa Kỳ cấp:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates, if available.

Available? Yes () NO ()

(CHU Y: Xin ban kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng từ nếu có.

Ban có không? Có (), Không (x) (Confiscated)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse.

Ban hoặc Vợ/Chồng đã Huan Luyen ở Ngoài Quốc:

4. Description of Course: FOAT Benning Infantry company Commander
Dieh ta khoa hoc : FOAT Belvoir Engineer officer Basic Course
Engineer Equipment Course
Maintenance course.

5. Who Paid for training? _____

At Dai Tho Chương Trình Huan Luyen? U.S.A. Government.

(NOTE: Please attach copies of diplomas or Order if available, available?
YES _____ NO _____

(CHU Y: Xin Ban Kem Theo Văn Bằng, hoặc Chứng từ nếu có. Ban có hay không?
CO _____ KHONG X.)

H. Reeducation of You or Your Spouse.

Ban hoặc Vở/Chồng đã học tập cải tạo.

Họ, tên người học tập cải tạo: Lê Văn An

2. Total time in Reeducation, 5 Years 5 Months 14 Days

3. Nơi học tập cải tạo: Hải Phòng Thống Nhất

Vẫn còn học tập cải tạo? CO _____ KHONG _____

(If released, must have a copy of your release certificate.)

Any Additional Remark?

CHÚC CHU:

Signature: Lenam

Date: 1-3-1987

Ký Tên:

NGÀY:

J. Please List Here All Document Attached In This Questionnaire.
Xin Nêu Ra Tất Cả Giấy Tờ Kem Theo với số Câu Hỏi Nay.

Mail this form to:

Orderly Departure Program Office
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120, THAILAND.

Phân thư ngày 1-3 1987-

Kính thưa Bà-

Thật là may-mắn cho gia đình chúng tôi có được địa-chỉ của Bà - Hôm nay chúng tôi biết được, trước khi tham Bà về quý quýt, sau này nhờ Bà chỉ lòng quý-đó cam-thiệp và chuyển đến cơ-quan có thẩm-quyền xử-lý quyền-lợi của gia đình chúng tôi ở Hoa-Kỳ của gia đình chúng tôi.

Thưa Bà, xin được phép tôi giới-thiệu: Tôi là Lê-Hà-AN sinh năm 1937, cấp bậc Thiếu-Tá, phục-vụ trong Binh-Chiến-Lược-Binh-Huộc-Chúng-Quân Miền Nam VN trước năm 1975, về tới đây từ Sài-Giao dài hạn hạn năm 1975.

Trước kia, tôi có gửi 1 H-Sở đến văn-phòng OOP tại Bangkok - Thái Lan, nhưng không nhận được bất kỳ một tin-tức nào chúng tôi H-Sở này đến được với nhận vì thiếu Bà. Vì là khi tôi về OOP gửi bưu-tiếp tôi VN đến Thái Lan thì nhận khó khăn về thủ-ngại.

Thưa Bà - Khi Bà nhận được thư này, ngoài việc nhờ Bà có gi-thư-chỉ dẫn, về gửi H-Sở để nói với họ xin Bà hỗ-chiết ít tài-giới trẻ-tôi cho chúng tôi, vì chúng tôi rất mong chờ về nhà không biết khi có đến được hay không.

Chúng tôi cũng biết Bà rất bận rộn - Tuy nhiên ngoài Bà thì chúng tôi không biết nhờ cậy vào ai. Gia đình chúng tôi thật, thật vui ân về tin quý-đó của Bà - Chúng tôi rất mong khi Bà

Kính thư.

Uwab

Lê Hà An.

D.C Lê-Hà-AN
128/6A Phan-Dinh-Phung
Phường Thanh-Binh - Quận Ho Chi Minh
TỈNH ĐỒNG NAI. VIỆT-NAM.

VIENT HAN CONG HOA

THI HAY THANH PHO

Quang-Ban

QUAN : Dien-Ban

MA : Can-Ha

So hieu : 6

THU - THU - THU - THU

CHUNG - THU HON - THU

000

Ten ho nguoi chong MA - HA - AN

Nghe nghiep Quan-dien

Sinh ngay hai moi chin thang may nam Mot ngay chin tuat ta
moi hay (12-02-1942)

Tai Dien-Ban , Hung-Ban , Thanh-Ban .

Ten tu tai K.B.C. 4.992

Ten ho cha chong MA - HA - AN (chot)

(Song chot phai noi)

Ten ho ma chong MA - HA - AN (song)

(Song chot phai noi)

Ten ho nguoi vo VO - THI - TH

Nghe nghiep Noi tre

Sinh ngay hai hai thang hai nam Mot ngay chin tuat ta moi
hai (12-02-1942)

Tai Dien-Ban , Thanh-Ban .

Cu so tai Dien-Ban

Ten tu tai Ma Can-Ha, Quan Dien-Ban, Tinh Quang-Ban .

Ten ho cha vo

(Song chot phai noi)

Ten ho ma vo

VO - THI - TH (song)

(Song chot phai noi)

- Ngay cuối Hung nam, thang tu, nam mot ngay chin tuat ta moi
mot (05-04-1961)

- Ve chong khai co hay khong lap hon kho /

ngay / thang / nam /

tai /

Nhan thuc chu ky cua Hoi-Vien

Ho-Tich Ma CAN-HA

Dien-Ban Ma CAN-HA

K.T.Dien-Ban Hoi-Dong Ma CAN-HA O.I

Hoi-Vien Tai-Chan

(Ky ten va dong chu)

NGUYEN-HA

Trich y ben chanh

Can-Ha , ngay 05 thang 04 nam 1961

Vien-Chu Ho-Tich

(Ky ten)

NGUYEN - VUI

Nhan thuc chu ky va kien den

cua Hoi-Dong Ma CAN-HA

Dien-Ban ngay 11 thang 4 1961

T.U.N TINH TRUONG TINH QUANG NAM

QUAN TRUONG QUAN DIEN BAN

(Ky ten va dong chu)

KHONG-TRUNG-LU

GIẤY RA TRAI

Đạo chỉ thị số 310 TT ngày 23-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Cộng đồng Việt Nam và cộng đồng đối tác thân thiện là thành viên không thể thiếu của quốc gia, dân tộc và cộng đồng.

რედაქციის მისამართი: თბილისი, ვაჟა-ფშაველას გამზ. 10, 101000

161 35-316 MA ngay 22-8-1975

[illegible]

Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn

100

WE WANT A LOVE

28/6 Mon 2002 2002 2002 2002 2002 2002 2002

1044 1041

SS-Link von hier ab zu trennen

14-00000 *Winkler* *Bien* *1911* *1912* *1913* *1914* *1915* *1916* *1917* *1918* *1919* *1920* *1921* *1922* *1923* *1924* *1925* *1926* *1927* *1928* *1929* *1930* *1931* *1932* *1933* *1934* *1935* *1936* *1937* *1938* *1939* *1940* *1941* *1942* *1943* *1944* *1945* *1946* *1947* *1948* *1949* *1950* *1951* *1952* *1953* *1954* *1955* *1956* *1957* *1958* *1959* *1960* *1961* *1962* *1963* *1964* *1965* *1966* *1967* *1968* *1969* *1970* *1971* *1972* *1973* *1974* *1975* *1976* *1977* *1978* *1979* *1980* *1981* *1982* *1983* *1984* *1985* *1986* *1987* *1988* *1989* *1990* *1991* *1992* *1993* *1994* *1995* *1996* *1997* *1998* *1999* *2000* *2001* *2002* *2003* *2004* *2005* *2006* *2007* *2008* *2009* *2010* *2011* *2012* *2013* *2014* *2015* *2016* *2017* *2018* *2019* *2020* *2021* *2022* *2023* *2024* *2025* *2026* *2027* *2028* *2029* *2030* *2031* *2032* *2033* *2034* *2035* *2036* *2037* *2038* *2039* *2040* *2041* *2042* *2043* *2044* *2045* *2046* *2047* *2048* *2049* *2050* *2051* *2052* *2053* *2054* *2055* *2056* *2057* *2058* *2059* *2060* *2061* *2062* *2063* *2064* *2065* *2066* *2067* *2068* *2069* *2070* *2071* *2072* *2073* *2074* *2075* *2076* *2077* *2078* *2079* *2080* *2081* *2082* *2083* *2084* *2085* *2086* *2087* *2088* *2089* *2090* *2091* *2092* *2093* *2094* *2095* *2096* *2097* *2098* *2099* *2100* *2101* *2102* *2103* *2104* *2105* *2106* *2107* *2108* *2109* *2110* *2111* *2112* *2113* *2114* *2115* *2116* *2117* *2118* *2119* *2120* *2121* *2122* *2123* *2124* *2125* *2126* *2127* *2128* *2129* *2130* *2131* *2132* *2133* *2134* *2135* *2136* *2137* *2138* *2139* *2140* *2141* *2142* *2143* *2144* *2145* *2146* *2147* *2148* *2149* *2150* *2151* *2152* *2153* *2154* *2155* *2156* *2157* *2158* *2159* *2160* *2161* *2162* *2163* *2164* *2165* *2166* *2167* *2168* *2169* *2170* *2171* *2172* *2173* *2174* *2175* *2176* *2177* *2178* *2179* *2180* *2181* *2182* *2183* *2184* *2185* *2186* *2187* *2188* *2189* *2190* *2191* *2192* *2193* *2194* *2195* *2196* *2197* *2198* *2199* *2200* *2201* *2202* *2203* *2204* *2205* *2206* *2207* *2208* *2209* *2210* *2211* *2212* *2213* *2214* *2215* *2216* *2217* *2218* *2219* *2220* *2221* *2222* *2223* *2224* *2225* *2226* *2227* *2228* *2229* *2230* *2231* *2232* *2233* *2234* *2235* *2236* *2237* *2238* *2239* *2240* *2241* *2242* *2243* *2244* *2245* *2246* *2247* *2248* *2249* *2250* *2251* *2252* *2253* *2254* *2255* *2256* *2257* *2258* *2259* *2260* *2261* *2262* *2263* *2264* *2265* *2266* *2267* *2268* *2269* *2270* *2271* *2272* *2273* *2274* *2275* *2276* *2277* *2278* *2279* *2280* *2281* *2282* *2283* *2284* *2285* *2286* *2287* *2288* *2289* *2290* *2291* *2292* *2293* *2294* *2295* *2296* *2297* *2298* *2299* *2300* *2301* *2302* *2303* *2304* *2305* *2306* *2307* *2308* *2309* *2310* *2311* *2312* *2313* *2314* *2315* *2316* *2317*

ALL INFORMATION CONTAINED HEREIN IS UNCLASSIFIED

10-10-68

July 20th 1916

Doc 191

lưu lại dấu tích và thành phố và các quần thể văn hóa cổ xưa.

THE CHINA-AMERICAN TRADE COMMISSION

Thời hạn đi đường: 91 ngày 24 giờ 10 phút

Tên và trong thực địa cấp: 807

Long An, 1968 - 1969

...

Số: 316/TTg-5/77

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số ngày về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hành quyết định Bộ ngày của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Trú quán:

Số lĩnh, cấp bậc, chức vụ trước bỏ máy chính quyền, quân sự và đạo tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ:

Thiếu tá Quân sự viên kỹ thuật công binh

Phải trực tiếp trình bày giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường:

Quận: Tỉnh; Thành phố:

và phải theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế:

- Thời hạn đi đường: ngày (kể từ ngày ký giấy

ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

(Cố của chính quyền)

Đã ký và đóng dấu

Ngày tháng năm 197



Nam : 1973

So lieu : 1754

Ho ten ghi : LE BA HINH KIM

Thi : Ru

Sinh (Ngay thi ho) : Ngày mười lăm, tháng ba, năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.

Đi : Theo lịch thi ho của tỉnh nhà

Cha (Tên họ) : LE BA HINH

Nghe : Quan nhân

Cu trú tại : Cu xa Liên Đoàn 5 Kiên Tạo Học Môn

Đi (Tên họ) : VO ANH TU

Nghe : Nội trợ

Cu trú tại : Cu xa Liên Đoàn 5 Kiên Tạo Học Môn

Vo (Chánh hay thư) : Vo chánh

TRICH Y BOM CHANH

Dinh Hoa ngay 19 tháng 03 năm 1973

Ki Trung Kiên ly Viên Ho Tich

(Ky tên và đóng dấu)

VO ANH TU

THI HOA BIA
QUA HOA BIA
QUA HOA BIA
QUA HOA BIA
QUA HOA BIA

1.7.3. 4414 ngày 4 Th.5. 1973

Trung tá PHUONG-KY-TRUNG

Liên Đoàn Trưởng

Liên Đoàn 5 Công Binh Kiên Tạo

THI HOA BIA

Thượng Sĩ Nhân Viên & Nhân Luyen



[Handwritten signature]

112

1) 1.0 - TICH

[illegible]

VI.-Quan Trung
The Quan Trung
 (Ky ton va dang dan)
VIỆT KHÁI KHÁI

(Ky ten va Dong Son)
NGUYEN VAN VINH

K. S. 6.571 ngày 5 Th.3. 1973
 Trung-Tá PHAN-THÀNH-LONG
 Tiểu Đoàn Trưởng
 Tiểu Đoàn 53 Công-Sinh Kien-Loc
 Trung-Úy NGUYỄN-TOÀN
 Phó-Trị Nhân-Viên
 Kien-Tag
 Kien-Loc

✓ LƯU HẠNG CÔNG HOA
ĐO QUỐC PHÒNG
ĐO TÙNG THẠNH HỮU Q.L.V. L.C.H.
TỔNG QUÂN LÍNH V.N
CỤC CÔNG BÍNH
LƯU ĐOÀN 5 CÔNG BÍNH KIẾN TẠO.
TÍNH ĐOÀN 55 CÔNG BÍNH KIẾN TẠO.

TÒA SƠ-THẨM

BIÊN-HÒA

PHÒNG LỤC-SỰ

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA

BIÊN-HÒA

Ngày 24 tháng 10 năm 1974

Tòa BIÊN-HÒA xử về việc

Hồ trong phiên nhóm công khai

ngày 24 tháng 10 năm 1974

có mặt các Ông:

Số 3787

Án thế-vi khai-sanh cho

Lê-Minh-T-đang

Chánh-An: Đoàn-La

Biên-Lý: Lâm-văn-Ngô

Phụ-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Cải đơn của Lê-Minh-T-đang

BỞI CÁC LÊ ẤY

Chứng nhận: Lê-Minh-T-đang và Võ-t-1-Tư n-1n con c-1n t-1n

Phán-rằng:

Lê-Minh-T-đang (Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n

(Biên-Hòa) là chủ nhân t-1n c-1n t-1n



GIÁ TIỀN	
Con niêm	50 / 00
Bổng lộc	5 / 00
Biên-lai	1 / 00
Cộng chung	56 / 00

Kiểm: NG. T. LƯU

Trước-bạ tại BIÊN-HÒA

Quyền 16

Tiền 500

ngày 27-12-1974

TỔ 16

350.0



ngày 17-12-1974

CHÁNH T

CHÁNH T

CHÁNH T

CHÁNH T

CHÁNH T

CHÁNH T

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH MIỀN-TRƯỚC

Quận Lũng-Tu

Xã Phát-Triển Minh-Trước

Số hiệu : 1619

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 23 tháng 08 năm 1974

Tên họ đứa trẻ

Lê-Minh-Phước

Con trai hay con gái

Tram

Ngày sanh

Ngày 03 tháng 08 năm 1974

Nơi sanh

Đã sanh Phát-Triển Minh-Trước

Nơi sanh

Tên họ người cha

Tên họ người mẹ

Vợ chánh hay không có :
hôn thú

Tên họ người đứng khai:

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Minh-Trước, ngày 23 tháng 08 năm 1974

TC.VT.SS 4566 BNV/HC 25 ngày 3-8-1974

MIỀN THI THỰC



Võ-Minh-Trước

Phân thư ngày 1-3-1987-

Kính thưa Bà -

Thật là may-mắn cho gia đình chúng tôi có được địa-chỉ của Bà - Hôm nay chúng tôi biết khi, trước kia tham Bà về quý quý, sau này nhờ Bà chỉ lối giúp đỡ, can thiệp và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử lý nguyên nhân đình-cử ở thủ-kỳ của gia đình chúng tôi -

Thưa Bà, xin được phép tự giới-thiệu: Tôi là Lê-Hà-AN sinh năm 1937, cấp bậc Thiếu-Tá, phục-vụ trong binh-chiến công-Anh-Hoàng chiến-quyển năm 1975, trước năm 1975 về tôi đã đi cải-tạo dài hơn hai năm 1975.

Trước kia, tôi có gửi 1 hồ-sơ đến văn-phòng ODP tại Bangkok - Thái Lan, nhưng không nhận được bất kỳ một tin-tức nào chúng tôi hồ-sơ này đến được nơi nhận vì thiếu Bà có lẽ khi tôi về ODP gửi thư tự tôi UN đến Thái Lan thì nhiều khó khăn về thủ-tục ngoại.

Thưa Bà - Khi Bà nhận được thư này, ngoài việc nhờ Bà có gì tư-chiến thêm, về gửi hồ-sơ đến nơi liên hệ, xin Bà bỏ chết ít thời-giờ trả-lời cho chúng tôi, vì chúng tôi rất mong chờ về việc không biết khi có đến được hay không.

Chúng tôi cũng biết Bà rất bận rộn - Tuy nhiên ngoài Bà thì chúng tôi không biết nhờ cậy vào ai.

Gia đình chúng tôi thật thất-vui vì tin gửi đi của Bà - Chúng tôi rất mong khi Bà -

Kính thư.

D.C. Lê-Hà-AN
128/6A Phan-Dinh-Phung
Phường Thanh-Bình - Quận Hồ
Tĩnh-Đông-Nai. VIỆT-NAM.

Uuab
Lê-Hà-AN.

October 10, 1987

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

(Names of Vietnamese Political Prisoners who need IV and LOI numbers; information sent to ODP several years ago and no response to date).

<u>NAME</u>	<u>SPONSOR</u>
1.- Le Ha An DOB: 07/29/37	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
2.- Hua Thi Cam-Binh DOB: 08/27/43	Ba Thi Ngo 2510 S.Baker #c Santa Ana, CA 92707
3.- Van Huu Dieu DOB: 11/15/34	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
4.- Nguyen Huu Duc DOB: 04/22/29	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
5.- Le Thien Giao DOB: 1927	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
6.- Nguyen Huu Hien DOB: 06/15/42	Phuoc Thi Hua 2607 Loggers Depot Sugarland, Tx. 77478
7.- Le Viet Hoa DOB: 10/10/43	Le Thi Phuong 10108 Dover Dr. Yukon, Ok. 73099
8.- Vu Minh Hung DOB: 04/04/50	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
9.- Nguyen Manh Hung DOB: 01/26/54	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
10.- Tran Minh Huan DOB: 08/01/32	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
11.- Nguyen Ngoc Lau DOB: 07/05/25	FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

October 10, 1987

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

(Names of Vietnamese Political Prisoners who need IV and LOI numbers; information sent to ODP several years ago and no response to date).

<u>NAME</u>	<u>SPONSOR</u>
12.- Chu Van Tan DOB: 01/23/44	Ky Clark
13.- Ngo Le Tri DOB: 11/12/28	Ngo Thu Phong



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-908-7030 560 0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Lê

Last

Hà

Middle

An

First

Current Address 128/6A Phan đình Phùng - Thanh Bình - Biên Hòa

Date of Birth 07-29-37 Place of Birth Nước Bình Nai

Previous Occupation before 1975 Major

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From

1975
1983

To

02/26/78
08/23/85

3. SPONSOR'S NAME:

Name

FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

9/87

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Lê Hà An

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Tư	02-12-42	Wife
Lê Hà Kim Dung	11-17-64	Daughter
Lê Minh Phương	01-29-65	Son
Lê Hà Kim Phương	03-15-66	Daughter
Lê Hà Kim Khánh	03-13-73	"
Lê Minh Phước	04-16-74	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

—

A. BASIC Identification Data:

Ly Lịch Căn Bản.

1. Name: LÊ - HÀ - AN

Ho, Ten:

2. Other Names: o

Ho, Ten khác:

3. Date/Place of birth: 29-7-1937 La - Chai - HUNG - TA - THUA THIEN - HUÊ

Ngày/Nơi sinh:

4. Residence address: 128/6A PHAN DINH PHUOC - HIEU HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

Địa chỉ thường trú:

5. Mailing address: 128/6A PHAN DINH PHUOC - HIEU HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

Địa chỉ thư gửi:

6. Current Occupation: Construction

Nghề nghiệp:

B. Relatives To Accompany Me:

Ba Con Cùng ĐI VỚI TÔI (Hàng) 128/6A PHAN DINH PHUOC - HIEU HOA CITY, DONG NAI PROVINCE

(NOTE: Your Spouse and Unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú ý: Vợ/Chồng và con cái cùng đi có thể đi với bạn mà thôi. Không tính trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), Đã ly dị (D), Góa phụ/ góa thê (W), hoặc độc thân (S).

NAME :	Date of birth:	Place of birth:	Sex:	MS:	Relationship
Ho, Ten:	Ngày, tháng năm sinh	Nơi sinh	Phái:	Trạng gia đình	Lien hệ

1. <u>Võ - Tú - Tú</u>	<u>12-2-1942</u>	<u>miền bưng rẫy</u>	<u>female</u>	<u>Married</u>	<u>wife</u>
2. <u>LÊ - HÀ - KIM FUNG</u>	<u>17-11-1964</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>female</u>	<u>single</u>	<u>daughter</u>
3. <u>LÊ - MINH - PHUOC</u>	<u>29-1-1965</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>male</u>	<u>single</u>	<u>son</u>
4. <u>LÊ - HÀ - KIM PHUOC</u>	<u>15-3-1966</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>female</u>	<u>"</u>	<u>daughter</u>
5. <u>LÊ - HÀ - KIM KIMH</u>	<u>13-3-1973</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>female</u>	<u>"</u>	<u>daughter</u>
6. <u>LÊ - MINH - PHUOC</u>	<u>16-4-1974</u>	<u>Phước Hòa City</u>	<u>male</u>	<u>"</u>	<u>son</u>
7. <u></u>	<u></u>	<u></u>	<u></u>	<u>"</u>	<u></u>
8. <u></u>	<u></u>	<u></u>	<u></u>	<u>"</u>	<u></u>

NOTE: For the persons List above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce degrees (if divorced), Spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.

CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách, chúng tôi cần một bản khai sinh, gia đình (nếu lập gia đình), giấy ly hôn (nếu ly dị), giấy khai tử của vợ/ chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu ba con cùng đi với bạn không sống chung nhà với bạn hiện tại, xin ghi địa chỉ của họ trong phần I.

C. RELATIVES OUTSIDE Vietnam.

Ho Hàng Ở Ngoại Quốc.

I. Closest Relative In the U.S.

Ba Con Thân Thước Thưa Ông - Bà - Ông - Bà.

a. Name: o

7 4. Agency/Company/Office:

Số / Công ty / Văn phòng:

1.

2.

3.

4.

5. Name of (Last) Supervisor.

Họ, tên người Giám thi:

1.

2.

3.

4. Spouse

5.

6. Reason For Leaving?

Ly do ra đi (Nghỉ việc)

1.

2.

3.

4.

7. Training for Job in Vietnam.

Nghe nghiệp Huan Luyen tại Vietnam:

F. Service with GVN or RVNAF By You or Your Spouse.

Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công vụ với Chính Phủ Vietnam.

1. Name of Person Serving: LE - HA - AN

Họ, tên người tham gia:

2. Dates:

From:

24 - 4 - 1956

TO:

30 - 4 - 1975

Ngày, tháng, năm

Từ:

TO:

3. Last Rank: MAJOR

Cấp Bậc Cuối Cùng:

4. Ministry/Office/Military Unit, Engineer

Bộ, Sở / Đơn vị / Binh Chung

5. Name of Supervisor/ C.O. Col. TRUONG - KY - TRUONG

Họ, tên Giám Thi/Sĩ Quan Chỉ Hủy.

6. Reason for Leaving? Communist Government

Ly do ra đi (Bỏ ngũ)

7. Name of American Advisor(s). Hugh Lawson - Scribfield

Họ, tên cố vấn: Mỹ:

8. U.S. Training courses in Vietnam: Education method

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Vietnam:

9. U.S. Awards or Certificates: Certificate

Huy chương Mỹ hoặc giấy chứng từ do Hoa Kỳ cấp:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates, if available.

Available? Yes NO.)

(CHU Y: Xin ban kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng từ nếu có.

Ban có không? NO, X (Confiscated)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse.

4. Description of Courses: Fort Benning Infantry company commander
Fort Belvoir Engineer officer basic course
Engineer Equipment Course
Maintenance course.

5. Who Paid for training? _____

Ai Dai Tho Chương Trình Huan Luyen? U.S.A. Government.

(NOTE: Please attach copies of diplomas or Order if available, available?

YES _____ NO _____

(CHU Y: Xin Ban Kem Theo Văn Bằng, hoặc Chứng từ nếu có. Ban có hay không?
CO _____ KHONG X.)

H. Reeducation of You or Your Spouse.

Ban hoặc Vò/Chong đã học tập cải tạo.

~~Name of Person in Reeducation.~~

Họ, tên người Học Tập Cải Tạo: Lê Văn An

2. Total time in Reeducation. 5 Years 5 Months 14 Days

Tổng Công Thời Gian Cải Tạo: Năm Tháng Ngày

3. Still in Reeducation? YES _____ NO X

Vẫn còn Học Tập Cải Tạo? CÓ _____ KHÔNG X

~~(If released, we must have a copy of your release certificate.)~~

~~(Nếu được thả, chúng tôi cần có một bản sao giấy ra trại.)~~

I. Any Additional Remark?

CHÚC CHU:

Signature: Lenam

Date: 1 3 1987

By Pen: _____

NGAY: _____

J. Please List Here All Document Attached In This Questionnaire.

Xin Neu Ra Tat Ca Giay Tờ Kem Theo với số Câu Hỏi Nay.

14 :Mail this form to:

Orderly Departure Program Office
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120, THAILAND.

THÀNH PHỐ

Số 219 / 10.10.1967

GIẤY RA TRAI

Được chỉ thị số 310 TT ngày 22-8-1967 của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công An

Công nhân và Nhân dân đối tượng của công tác cải tạo và giáo dục

phải và bắt buộc sự chấp hành của các cơ quan, tổ chức và cá nhân

theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành

thời gian từ ngày 22-8-1967 đến ngày 22-8-1968

Thủ tướng Chính phủ

Lý học nhân dân Hồ Chí Minh

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: LE HAT DAI (LONG)

Sinh ngày: 22/8/1927 tại: Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Quê quán: Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hiện cư: Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Số lệnh cấp bậc chức vụ trong bộ máy chính quyền quốc gia và cấp xã: không có

Đã cũ, cũ (t) không có

Đi kết hợp ở Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Khi và phải trực tiếp lệnh ngay này với Ủy ban Nhân dân, chính và Công an phường

phải chấp hành thuộc quản lý của Thị trấn Thủ Đức

lệnh thành phố Thị trấn Thủ Đức và phải tuân theo quy định của Ủy

ban Nhân dân chính và thành phố và các quân của nơi cư trú và các mặt quân lý khác

Thời hạn quản chế không có

Thời hạn đi đường: không có (Kể từ ngày cấp giấy ra)

Thiên và lương thực đã cấp: không có

Lưu ý: Người thụ phải của

Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Số danh bạ 2193

Lưu ý: không có

Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Số danh bạ 2193

Lưu ý: không có

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 316/Ttg ngày 22-08-1977

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số ngày về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Thủ hành quyết định số ngày của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Trú quán:

Đã lĩnh, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ:

Thước kẻ, quân nhân viên kỹ thuật công binh:

Khi về, phải trực tiếp trình giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Quận: Tỉnh: Thành phố:

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: năm

- Thời hạn đi đường: ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

 Ngày tháng năm 1978

Ngày tháng năm 1978



TINH HAI THANH PHO

CHUNG - THU HON - THU

Quang-Nam

QUAN : Dien-Ban

HA : Cam-Ha

So hieu : 6

Ten họ người chồng HA - HA - AN

Nghề nghiệp Quan-tham

Sinh ngày Hai mươi chín tháng Bảy năm Một ngàn chín trăm bốn mươi hai (29-07-1942)

Tại : An-Nam , Trung-Nam , Tinh-Thien .

Cu se tai K.B.C. 4.932

Ten họ tại K.B.C. 4.932

Ten họ cha chồng HA - HA - AN (chết)

Ten họ mẹ chồng HA - THI - Y (sống)

Ten họ người vợ VO - THI - XU

Nghề nghiệp Nồi tre

Sinh ngày Mười hai tháng Hai năm Một ngàn chín trăm bốn mươi hai (12-02-1942)

Tại : Du-Tieng , Tinh-Du-Nut .

Cu se tai Dien-Hoa

Ten họ tại Ha Cam-Ha, Quan Dien-Ban, Tinh Quang-Nam .

Ten họ cha vợ (Sống chết phải nói)

Ten họ mẹ vợ VO - THI - Y (Sống)

- Ngày cưới : Tháng tư, năm một ngàn chín trăm sáu mươi một (05-04-1961)

- Về chồng khai có hay không lập hôn ước /
ngày / tháng / năm /
tại /

Nhan thuu chu ky cua Hoi-Vien

Ho-Tich Ha CAM-HA

Dai-Dien Ha CAM-HA

K.T.Dai-Dien HOI-DONG Ha CAM-HA O.I

HOI-VIEN TAI-CHAM

(Ky ten va dong dam)

NGUYEN-HAI

Trich y ban cham

Cam-Ha , ngày 05 tháng 04 năm 1961

Vien-Cham Ho-tich

(Ky ten)

NGUYEN - VUI

Nhan thuu chu ky va kien dau

cua Hoi-Dong Ha CAM-HA

Dien-Ban ngày 11 tháng 4 1961

T.U.N TINH TRUONG TINH QUANG NAM

QUAN TRUONG QUAN DIEN BAN

(Ky ten va dong dam)

Tên, họ và chữ	:	TRẦN VĂN HÙNG
Phái	:	Nam
Sinh	:	Mười bảy tháng mười một dương lịch
(Ngày tháng năm)	:	Năm một nghìn chín trăm sáu mươi bảy
Trú	:	Đoàn Thanh Niên Học Sinh - Học
Quê (tên họ)	:	Hà Nội

TRUCK 7 TRHO 20 MAR 1964
Dist From May 70/11/2064

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

REAR VIEW FRAME

Two : Hal my boy took.
Eight : Great when

1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 26

100-443887-10

On the left : Black Throat Black-Neck.
 To : To chant.

NGUYEN HAI
(See 10)

Tasi i Hui hui hai tui.

Nghe nghiêp : Na No Nish
On tru tai : Nish Tshu.

Ngày khai : Mười tám tháng mười một năm 1964

(Ten to)

Thao	1	Six East to Thao
Kate Kung	2	Be the girl

Can you tell me what time the train leaves?
I'll be there at 10:00.

(b) (7)(C)

Thoi	1	Mal Mal Son Thoi
Ngan nging	1	Quan Ly

Call Time : 2:15 PM

THE BIENT HOA

ban thue chu ky con
 et-Dong Ia Binh-Truoc ghi tren
 Bien Hon ngay 30/11/1964.

H. T. Truong
 Truong Ty Binh Chanh
 (Ky ten va dong cau)
 NGUYEN DINH LANG
 Phu Tho - Ba.

Lam tai Binh-Truc ngay 18 thang moi noi van 196

Nguei Nam NGUYEN THI BONG	Ho-Lai PHAM VAN THANH	Ngan Ching NGUYEN THI QUAN HUNG VAN CAN
------------------------------	--------------------------	---

VIỆT-NAM, CỘNG-HÒA

TÒA SƠ-THẨM

BIÊN-HÒA

PHÒNG LỤC-SỰ

MÃ: 198 / DP 158 / L.S.M
KỶ 91 / 97

TRÍCH-LỤC ÁN NGUYÊN ĐƠN TÒA

BIÊN-HÒA

Ngày 24 tháng 10 năm 1974

Tòa BIÊN-HÒA xử về việc

Số 3787

Hồ trong phiên nhóm công khai

Án thế-vi khai-sanh cho

ngày 24 tháng 10 năm 1974

Lê-ninh-Tư

có mặt các Ông:

Chánh-Án: Đoàn-Là

Biện-Lý: Lưu-văn-Ngô

Thư-Lý: Võ-t-1-Tư

Đã tuyên-ban án như sau:

DÂN-ÁN

TÒA-ÁN

Cải-đơn của Lê-n-1-An

BỞI CÁC LÊ-ÁY

Chứng-nhau: Lê-n-1-An và Võ-t-1-Tư n-1n con c-án-t-1

Phán-rằng:

Lê-ninh

Đoàn-Là

Wong

(Biên-Hòa) là c-ách-án-t-1c của Lê-n-1-An và Võ-t-1-Tư

Phán-rằng Án này, thế-vi khai-sanh cho, kể n-1i trên

Truyền ghi đoạn phán-t-1c Án này vào sổ c-ách-án-t-1c

Đ-1n-Tr-1c (Biên-Hòa)

và lược-biên Án này vào lệ-t-1c khai-sanh gần nhất ngày 29.1.1965

lưu-trữ tại

và tại Phòng Lục-Sự Tòa Án sơ-t-1c

Truyền nguyên-đơn ch-1n Án-ph-1

Ký-tên:

Trước-b-1 tại BIÊN-HÒA

ngày 27.12.1974

Quyền

16

T-1

350.9

Tiền

500

GIÁ TIỀN	
Con niêm...	50.00
Bổng lộc...	50.00
Liên-lai...	10.00
Cộng chung	50.00

Kiểm: NG. T. LUY

TRÍCH-Y BẢN CHÁNH
BIÊN-HÒA
ngày 17 tháng 1 năm 1975

Trần-văn-1n

॥ ११॥

1.1. Ộ - TỊCH

Tên, họ và tên	:	IS M KIM PHUONG
Nam hay Nữ	:	Nữ
Ngày sinh	:	Ngày sinh 10 tháng 10 năm 1945 chín trăm bốn mươi năm.
Hội sinh	:	Hội sinh KHUANG-CHUNG là Đoàn Hiep.
Tên, họ người cha	:	IS M KIM PHUONG
Ngày sinh	:	10-10-1945
Hội sinh	:	100, 40%
Tên, họ người anh em	:	VO THI TU
Ngày sinh	:	Hội sinh
Hội sinh	:	Chánh Hiep
Vợ chồng hay chưa	:	Vợ chồng

Chanh Hiep, ngay 18 thang 3 nam 1966
 Chu Tich Kiem Uy Vien Ho-Tich
 (Ky ten va Dong Chu)
 NGUYEN VAN VINH

6.571 ngày 5 Th.3. 1973
 Ông: TÁI PHAN-THÀNH-LONG
 Tiểu Đoàn Trưởng
 Tiểu Đoàn 53 Công An Kiên-Lạc
 Trung Úy NGUYỄN-TOÀN
 Phó Trĩ Nhân-Viện
 (Seal: CÔNG AN KIẾN LẠC, TIỂU ĐOÀN 53, 55)

✓ 1ST NAM CONG HOA
BO QUOC PHONG
BO TONG THANH NGU Q.L.V.L.C.H.
TONG QUO TIEN V.N
CUC CONG BINH
LIEN DOAN 5 CONG BINH XIAN TAC
TIEN DOAN 55 CONG BINH XIAN TAC

Nam : 1973

Số liệu : 1754

---o---
 Tên họ và ghi : LÊ HẠ MINH KHUÂN

Phái : Nữ

Sinh (Ngày tháng năm) : Ngày mồng 4, tháng ba, năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba.

Mai : Báo Bình Định và Bình Hòa

Cha (Tên họ) : LÊ HẠ AN

Nghe : Quan nhân

Cu trú tại : Cu xã Liên Đoàn 5 Kiên Tạo Học Môn

M (Tên họ) : VÕ HAI PHU

Mai : Nội trợ

Cu trú tại : Cu xã Liên Đoàn 5 Kiên Tạo Học Môn

Võ (Chánh hay thứ) : Võ chánh

---o---

TRICH Y BỐN CHÁNH

Bình Hòa ngày 15 tháng 05 năm 1973

Khi đương kiêm Ủy Viên Ho Tịch

(Ấy tên và đóng dấu)

ĐI VỚI BA

TRICH Y BỐN CHÁNH :

TRICH Y BỐN CHÁNH
 ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ
 ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ Đ. V. H. B. L.

ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

II. ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ BỊNH HÒA

H.Đ.C. 4414 ngày 4 Th.5. 1973

TRUNG TẾ NGUYỄN-KỶ-TRUNG

Liên Đoàn Trưởng

Liên Đoàn 5 Công Bình Kiên Tạo

TRICH TẾ NGUYỄN-VĂN-BÁO

Trưởng Phòng Nhân Viên & Hợp Tác



Trần Văn Báo

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH MIỀN-TÂY

Quận Lũng-Tu

Xã Phát-Triển Ninh-Trước

Số hiệu : 1619

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 23 tháng 11 năm 1974

Tên họ đứa trẻ

Lê-Vinh-Phước

Con trai hay con gái

Con

Ngày sanh

Mười sáu tháng tư dương lịch

Một ngàn chín trăm bảy mươi bốn

Nơi sanh Phố-Huân Miền-Tây

Nơi sanh

Tên họ người cha

Lê-Vinh-Phước

Tên họ người mẹ

Võ-Hà-Trần

Vợ chánh hay không có :
hôn thú

Chánh

Tên họ người đứng khai :

Lê-Vinh-Phước

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

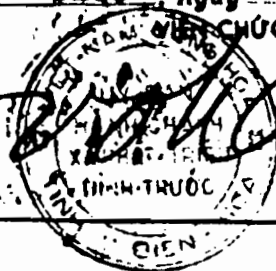
Ninh-Trước

ngày 23 tháng 11 năm 1974

HỘ TỊCH

TC.VT.SG.4568.BNV/HC.25 ngày 3-8-1976

MIỀN-TÂY THỰC



Võ-Hà-Trần